

Bản án số: 871/2025/DS-PT

Ngày 07-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3951/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Minh C, sinh năm 1973; thường trú: số nhà A, đường H, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn K, sinh năm 1965; thường trú tại: số A, đường Đ, tổ E, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977; thường trú tại: số nhà A, đường H, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Minh C trình bày:

Sau khi bà Nguyễn Thị B (mẹ bà C) chết, do có nhu cầu tách thửa phần đất bà B chết để lại chia thừa kế cho bà C và bà Nguyễn Ngọc Đ (em ruột bà C) nên vào ngày 06/4/2024, ông Nguyễn Văn T giới thiệu cho bà C gặp ông Mai Văn K là người nhận làm dịch vụ để thỏa thuận làm hồ sơ chia thừa kế.

Sau khi bàn bạc, bà C và ông Mai Văn K thỏa thuận sẽ tách thửa đất của bà B thành 02 thửa để cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và bà Đ mỗi người một thửa với số tiền là 50.000.000 đồng. Bà C đồng ý ký tên lăn tay vào giấy thỏa thuận cam kết. Bà C có giao cho ông K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị B để làm thủ tục và sau đó ông K không cung cấp cho bà C một bản thỏa thuận nào.

Trong quá trình thực hiện cam kết, ông K tiến hành chậm dù bà C đã hối thúc 06 lần yêu cầu ông K làm nhanh.

Đến tháng 10/2024, ông K thông báo cho bà C không thể tách làm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng như thỏa thuận ban đầu mà chỉ ra được một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu chung mang tên bà Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc Đ. Nghe ông K thông tin vậy nên bà C yêu cầu ông K dừng lại không thực hiện nữa. Bà C yêu cầu ông K trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính mang tên Nguyễn Thị B và bà C sẽ trả lại cho ông K số tiền chi phí đã tiến hành (có hóa đơn) nhưng ông K không đồng ý.

Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chấm dứt thỏa thuận dịch vụ với ông Mai Văn K.
2. Ông K phải trả lại cho bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bộ bà Nguyễn Thị B (bản chính).
3. Bà C sẽ thanh toán toàn bộ chi phí làm thủ tục (có hóa đơn).

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn K trình bày:

Vào ngày 20/6/2024, ông K có nhận làm dịch vụ hồ sơ thừa kế cho bà Nguyễn Minh C. Bà C có lập giấy ủy quyền cho ông K và giấy thỏa thuận viết tay ngày 20/6/2024.

Thực hiện giao dịch, bà C có giao cho ông K những giấy tờ cần thiết bắt buộc phải có để làm hồ sơ gồm: 01 giấy khai tử (bản sao) của bà Nguyễn Thị B; 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị B; 01 sổ hộ khẩu bản chính; 02 Căn cước công dân của bà Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc Đ.

Về nội dung bà C nêu trong đơn khởi kiện là không đúng sự thật, không đúng như những cam kết giữa ông K và bà C trong giấy đặt làm hồ sơ thừa kế (viết tay) vào các ngày 20/6/2024 và giấy ủy quyền ngày 22/6/2024. Ông K chỉ nhận làm hồ sơ thừa kế, ông K không cam kết là kết quả làm hồ sơ ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên đồng sở hữu hay không đồng sở hữu. Nhưng dù thế nào kết quả cuối cùng vẫn ra hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc Đ. Vì thế cho nên ngày 29/6/2024, ông K có ghi cam kết thêm rằng khi có giấy chứng nhận thì ông K giữ lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ràng buộc việc thanh toán tiền phí dịch vụ.

Căn cứ vào giấy cam kết và yêu cầu trong đơn khởi kiện của bà C thì ông K nhận thấy không vi phạm hợp đồng cam kết mà chính bà C là người đã vi phạm hợp đồng, cam kết và đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Ông K đồng ý trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) mang tên hộ bà B. Bà C phải thanh toán đủ số tiền phí dịch vụ cho ông K với số tiền 45.000.000 đồng và hai việc này phải diễn ra đồng thời tại cơ quan chức năng vì những lý do sau:

Bà C vi phạm và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ông K đã hoàn thành 90% công việc làm hồ sơ thừa kế cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Ngọc Đ sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án không có ý kiến trình bày và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T chỉ là người giới thiệu cho bà C và ông K gặp nhau để thỏa thuận hợp đồng dịch vụ. Còn nội dung 02 bên thỏa thuận và thực hiện hợp đồng ông T không biết.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ ngày 20/6/2024.
2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Minh C đối với bị đơn – ông Mai Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Buộc bà Nguyễn Minh C có trách nhiệm thanh toán cho ông Mai Văn K số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Mai Văn K trả lại cho bà Nguyễn Minh C 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị B sau khi bà C thanh toán xong khoản tiền trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2025 bị đơn bà Nguyễn Minh C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 27/5/2025

của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Minh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn bà C kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận vào ngày 20/6/2024, theo lời giới thiệu của ông Nguyễn Văn T, nguyên đơn bà C đã thuê bị đơn ông K làm hồ sơ chia thừa kế, việc thỏa thuận được thể hiện trong giấy đặt làm hồ sơ thừa kế (viết tay) vào các ngày 20/6/2024, ngày 29/6/2024 và giấy ủy quyền ngày 22/6/2024. Theo thỏa thuận, ông K sẽ thực hiện nhận làm dịch vụ hồ sơ thừa kế cho bà C và bà Đ với số tiền là 50.000.000 đồng. Để thực hiện giao dịch, bà C có giao cho ông K những giấy tờ cần thiết bắt buộc phải có để làm hồ sơ gồm: 01 giấy khai tử (bản sao) của bà Nguyễn Thị B; 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị B; 01 sổ hộ khẩu bản chính; 02 Căn cước công dân của bà Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc Đ.

[2.2] Theo Giấy đặt làm hồ sơ thừa kế ngày 20/6/2024 và giấy ủy quyền ngày 22/6/2024 thì bà Nguyễn Minh C đặt cho ông K làm hồ sơ thừa kế đất của bà Nguyễn Thị B chết để lại, giá là 50.000.000 đồng, đến ngày 29/6/2024 các bên tiếp tục thỏa thuận: “Khi có giấy chứng nhận Anh kiên giữ lại GCN Nguyễn Ngọc Đ và Anh K sẽ gửi lại khi Nguyễn Minh C thanh toán đủ tiền sổ (50 tr) và tiền thuế (TNCN+TBa) cho anh K”; “Tiền sổ và tiền thuế Nguyễn Minh C và Nguyễn Ngọc Đ đồng ý và thống nhất chia đôi” có chữ ký, lãn tay của người đặt sổ là Nguyễn Minh C và Nguyễn Ngọc Đ; chữ ký lãn tay của người làm sổ là Mai Văn K. Từ thỏa thuận trên có thể thấy ông Mai Văn K thỏa thuận làm hồ sơ thừa kế đất của bà Nguyễn Thị B cho 02 người con của bà B là Nguyễn Minh C và bà

Nguyễn Thị Đ1. Không có thoả thuận nào thể hiện khi ra sổ có thể đứng tên chung hay đứng tên riêng là phụ thuộc vào cơ quan chuyên môn như trình bày của ông K.

[2.3] Xét hợp đồng dịch vụ của các bên không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, việc thoả thuận của các bên không rõ ràng, cụ thể về nội dung dẫn đến việc giải thích nội dung không thống nhất nhau, không thoả thuận thời hạn hoàn thành công việc. Hiện nay, ông K mới thực hiện làm một số thủ tục, chưa hoàn tất việc phân chia thừa kế, cấp quyền sử dụng đất và bà C yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Xét việc thoả thuận nội dung dịch vụ không rõ ràng, không thực hiện hoàn thành công việc là có lỗi của 02 bên. Ông K đã tiến hành thực hiện một số công việc khoảng 30% theo thoả thuận gồm thu thập giấy khai sinh của bà Đ1, bà C; làm tường trình quan hệ thân thân của bà C; trích lục khai tử của bà B, yêu cầu Văn phòng C1 phân chia di sản của bà Nguyễn Thị B, Ủy ban nhân dân phường T tiến hành niêm yết thoả thuận phân chia di sản thừa kế do bà B chết, yêu cầu công an cung cấp thông tin cư trú của Nguyễn Minh C, trích lục tờ khai chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Minh C; thông tin cư trú của hộ bà Nguyễn Thị B, xác nhận ranh đất.... Toà án đã yêu cầu ông K cung cấp chi phí để làm các công việc trên, nhưng ông K không thực hiện cung cấp nên không có căn cứ để xác định ông K đã bỏ ra chi phí bao nhiêu để thực hiện các công việc theo thoả thuận. Tuy nhiên phía nguyên đơn bà C cũng có lỗi trong việc thoả thuận hợp đồng dịch vụ, ông K đã thực hiện một số công việc nhất định nên bà C phải có trách nhiệm thanh toán một phần chi phí dịch vụ là 15.000.000 đồng, ông K phải hoàn trả cho bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B và 01 sổ hộ khẩu cấp cho chủ hộ bà Nguyễn Minh C.

Từ phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 513, 515, 517, 519, 520 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Minh C. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh C đối với bị đơn ông Mai Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

1.2. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ ngày 20/6/2024 giữa bà Nguyễn Minh C và ông Mai Văn K.

1.3. Bà Nguyễn Minh C có trách nhiệm thanh toán một phần chi phí cho ông Mai Văn K là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 354 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.4. Ông Mai Văn K trả lại cho bà Nguyễn Minh C 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B ngày 18/2/2000 và 01 (một) sổ hộ khẩu số 080346225 chủ hộ Nguyễn Minh C sau khi bà C thanh toán xong số tiền trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Minh C phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001566 ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay Phòng Thi hành án khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh). Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng còn thừa cho bà Nguyễn Minh C

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Minh C không phải chịu. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng bà C đã nộp theo Biên lai thu số 0004978 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 15-Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Nguyễn Văn Huỳnh**

Số: /2025/QĐ-SCBSBA Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào các Điều 268, 486 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có thiếu sót trong Bản án số: 871/2025/DS-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Minh C, sinh năm 1973; thường trú: số nhà A, đường H, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn K, sinh năm 1965; thường trú tại: số A, đường Đ, tổ E, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977; thường trú tại: số nhà A, đường H, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 871/2025/DS-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tại dòng thứ 07 và thứ 11 từ dưới lên trang số 5 của bản án đã ghi: “*Từ phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh)*”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “*Từ phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST*

ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh)”.

2. Ngoài ra, không sửa chữa, bổ sung gì thêm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 15-Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Huỳnh

